TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2026/HS-PT
Ngày: 17-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sinh

Ông Ung Quang Định

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Kiều Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 192/2026/TLPT-HS ngày 24 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo Ksor N, Ksor Đ do có kháng cáo của bị cáo Ksor N, Ksor Đ, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 112/2026/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Ksor N, sinh ngày 10/6/2001 tại tỉnh Gia Lai; Số căn cước công dân: 064301002543; Nơi cư trú: Làng P, xã B, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Gia Rai; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ksor AMAM và bà A; Chồng: Ksor Vơn, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. Ksor Đ, sinh ngày 02/4/1998 tại tỉnh Gia Lai; Số căn cước công dân: 064098012376; Nơi cư trú: Làng N, xã I, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Gia Rai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Rơ Châm NGLEH (chết) và bà Ksor H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 07/2017/HS-ST ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; Ngày 11/7/2017, chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong các hình phạt khác; đã được xóa án tích. Tại Bản án số 89/2018/HSST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 10 tháng 20 ngày tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1

Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; đã chấp hành xong hình phạt tù và các hình phạt khác; đã được xóa án tích. Tại Quyết định số 17/QĐ-TA ngày 17/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Gia Lai, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Ksor Đ vắng mặt tại phiên họp và chưa nhận được quyết định này nên chưa chấp hành thì ngày 24/12/2025 bị bắt tạm giữ sau đó bị tạm giam về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2025 (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Ksor N:* Ông Ngô Đức N1 – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ lý pháp lý nhà nước tỉnh G (Có mặt).

Địa chỉ: B L, phường D, tỉnh Gia Lai.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ksor Đ:* Bà Trang Thị Thùy D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ lý pháp lý nhà nước tỉnh G (Có mặt).

Địa chỉ: D L, phường P, tỉnh Gia Lai.

- *Người phiên dịch tiếng Gia Rai*: Ông Kpă T - Chuyên viên Ban Công tác Đoàn và T1 thiếu nhi, Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh G; Địa chỉ: Đường Đ, P. Q, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ksor N, Đ, N2 (sinh năm 1999; trú tại làng P, xã B, tỉnh Gia Lai) và T2 (sinh năm 1996; trú tại làng P, xã B, tỉnh Gia Lai) có mối quan hệ quen biết và đều sử dụng chất ma túy. Vào khoảng tháng 10/2025 (không xác định ngày), Ksor N có nhu cầu sử dụng ma túy nên đã dò hỏi các mối quan hệ xã hội thì biết có đối tượng bán ma túy tại khu vực đường N giao đường N, xã B, tỉnh Gia Lai. Sau đó, Ksor N đã tìm gặp và mua của đối tượng này 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng; đồng thời, đối tượng này nói với Ksor N nếu sau này có nhu cầu mua ma túy thì đi đến khu vực rẫy cà phê gần sân bóng làng P, xã B, tỉnh Gia Lai, vào khoảng 11 đến 12 giờ hàng ngày sẽ gặp được người bán ma túy. Sau khi mua được ma túy, Ksor N đem về khu vực rẫy của gia đình tại làng P, xã B, tỉnh Gia Lai và đã sử dụng hết.

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23/12/2025, Ksor N nảy sinh ý định sử dụng chất ma túy nên đã đi bộ đến khu vực rẫy cà phê gần sân bóng làng P, xã B, tỉnh Gia Lai tìm gặp một đối tượng nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) mua 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng rồi đem về nhà cất giấu. Vào sáng ngày 23/12/2025, Ksor Đ đi hái cà phê thuê cho gia đình Ksor N, đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Ksor Đ về nhà Ksor N nghỉ ngơi thì Ksor N đã đưa gói ma túy trên cho Ksor Đ cất giấu để cùng sử dụng sau. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Ksor Đ mượn xe mô tô của Ksor N đi đến nhà N2; trong khoảng thời gian này thì có T2 đến nhà Ksor N chơi. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Ksor Đ chở N2 đến nhà Ksor N; tại phòng khách, Ksor Nglat, Ksor Đ, N2

và T2 cùng ngồi nói chuyện. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Ksor Đ lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy (“nỏ”) của Ksor N để sẵn tại góc phòng khách, rồi lấy gói ma túy mà Ksor N đưa cho cất giấu trước đó, đổ vào bộ dụng cụ và dùng bật lửa đốt làm nóng ma túy rồi Ksor Đ sử dụng trước. Sau đó, Ksor Đ đốt nóng ma túy rồi đưa cho N2 sử dụng; sau khi N2 sử dụng xong, Ksor Đ đưa cho T2 và Ksor N lần lượt tự đốt nóng ma túy rồi sử dụng. Đến lúc 00 giờ 30 phút ngày 24/12/2025, khi Ksor Đ, Ksor N, N2, T2 đang cùng nhau sử dụng ma túy tại nhà của Ksor N ở làng P, xã B, tỉnh Gia Lai, thì bị Công an xã B, tỉnh Gia Lai bắt quả tang cùng vật chứng, gồm: 01 chai nhựa màu trong suốt, nắp màu bạc được đục sẵn hai lỗ, một lỗ gắn ống thủy tinh đầu uốn cong phình to, bên trong ống thủy tinh có bám dính chất màu nâu, 01 lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng-cam được nối với nhau bằng băng keo màu đen (đã được niêm phong theo quy định); 01 bật lửa màu vàng; thu giữ của Ksor Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5ii màu tím, kiểu máy CPH2773, số seri ea92d6df, kèm sim số; thu giữ của Ksor N 01 điện thoại di động Iphone 11, màu đen, số seri C6KZCFZ8N741, kèm sim số.

Qua xét nghiệm, xác định: Ksor N, Ksor Đ, N2 và T2 đều dương tính với chất ma túy MET (Methamphetamine).

Tại bản Kết luận giám định số 68/KL-KTHS ngày 31/12/2025 của phòng K - Công an tỉnh G, kết luận: *“Chất màu trắng, nâu bám dính trong 01 (một) ống thủy tinh có đầu uốn cong phình to đựng trong hộp giấy gửi giám định là* ***ma túy****, loại* ***Methamphetamine****, do lượng mẫu ít không cân được khối lượng”.*

Đối với bộ D1 sử dụng ma túy, bật lửa đều là của bị cáo Ksor N và bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội; còn chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 kèm sim số của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5ii kèm sim số là của cá nhân bị cáo Ksor Đ và không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Vật chứng của vụ án, gồm:

+ 01 chai nhựa, nắp màu bạc có 02 lỗ, 01 lỗ gắn ống nhựa màu trắng nối ống nhựa màu cam; 01 lỗ gắn ống thủy tinh có đầu uốn cong phình to sau giám định và vỏ bao gói được niêm phong trong 01 bì công văn ghi *“Số 68/PC09, ngày 31 tháng 12 năm 2025”* và có dấu niêm phong của Phòng K Công an tỉnh G.

+ 01 bật lửa màu vàng;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5ii màu tím, kiểu máy CPH2773, số seri ea92d6df kèm sim số;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen, số seri C6KZCFZ8N741, kèm sim số.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2026/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Ksor N và bị cáo Ksor Đ phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ksor N 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Ksor Đ 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2025.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 30/7/2026 bị cáo Ksor N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/7/2026 bị cáo Ksor Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/7/2026 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 649/QĐ-VKSKV7 về phần hình phạt đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Ksor Đ .

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ksor Đ . Giảm hình phạt cho bị cáo Ksor Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ksor N. Giữ y quyết định hình phạt 08 năm tù đối với bị cáo Ksor N.

Luật sư Ngô Đức N1 bào chữa cho bị cáo Ksor N: Quá trình điều tra, tại phiên toà sơ thẩm, phiên toà phúc thẩm bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng đã bỏ đi nơi khác, bị cáo có 02 con còn nhỏ, mức án mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên 08 năm tù là có phần nghiêm khắc, do đó đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo sớm tái hoà nhập cộng đồng.

Trợ giúp viên pháp lý bà Trang Thị Thùy D bào chữa cho bị cáo Ksor Đ: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cha mất sớm, hiện bị cáo đang nuôi mẹ già, hơn nữa bị cáo tham gia trong vụ án với vai trò thứ yếu, nhưng Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 năm 06 tháng tù là cao hơn bị cáo Ksor N (vai trò chính) là không tương xứng với vị trí, vai trò của bị cáo trong vụ án. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ksor Đ, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ksor N, Ksor Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau: Do có nhu cầu sử dụng ma tuý nên Ksor N đã mua của đối tượng (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch) 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng rồi đưa cho Ksor Đ cất giấu để cùng sử dụng. Đến khoảng 23 giờ ngày 23/12/2025, tại nhà Ksor N, Ksor Đ lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của Ksor N để sẵn góc phòng khách ra đổ gói ma túy vào pha chế rồi Ksor Đ sử dụng trước, rồi đưa đưa cho N2, T2 và N luân phiên sử dụng. Đến lúc 00 giờ 30 phút ngày 24/12/2025, khi Ksor Đ, Ksor N, N2, T2 đang cùng sử dụng ma túy thì bị Công an xã B, tỉnh Gia Lai bắt quả tang. Do đó, Toà án nhân dân khu vực 7- Gia Lai đã kết án các bị cáo Ksor N, Ksor Đ về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai và kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Ksor N, Ksor Đ, hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Ksor N là người khởi xướng, cung cấp ma tuý, dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma tuý và cho sử dụng nhà của mình làm địa điểm để tổ chức cho các đối tượng cùng sử dụng trái phép chất ma tuý, nên bị cáo giữ vai trò chính. Bị cáo Ksor Đ lấy ma tuý và bộ D1 để sử dụng trái phép chất ma tuý từ bị cáo Ksor N rồi đốt nóng đưa cho Ksor N và 02 đối tượng N2, T2 cùng sử dụng, bị cáo Ksor Đ tham gia với vai trò thực hành và giữ vai trò thấp hơn bị cáo Ksor N. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án, thì mức án 09 năm 06 tháng tù mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Ksor Đ là quá nặng, mức án cao hơn bị cáo Ksor N giữ vai trò chính là 01 năm 06 tháng. Như vậy, cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng tính chất đồng phạm trong vụ án, tính chất, mức độ tham gia của các bị cáo, quá nhấn mạnh đến đặc điểm nhân thân của bị cáo Ksor Đ là 02 lần bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" (đã xoá án tích) dẫn đến quyết định hình phạt thiếu sự công bằng, chưa tương xứng với tính chất, mức độ tham gia của các bị cáo. Hơn nữa bị cáo thuộc diện hộ nghèo của xã nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bị cáo được miễn toàn bộ án phí, nhưng Toà án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm là trái với Nghị Q nêu trên. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ksor Đ . Vì các lẽ nêu trên, hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ksor Đ, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai, sửa án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo Ksor Đ và sửa phần án phí hình sự sơ thẩm.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ksor N thấy rằng: Bị cáo đã được cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo lần đầu phạm tội, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng đã bỏ đi lấy vợ khác (chưa làm thủ tục ly hôn), hiện đang nuôi 02 con còn nhỏ được quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 08 năm tù là tương xứng. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ nào khác để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ksor N, giữ quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Ksor N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Ksor Đ thuộc diện hộ nghèo của xã nên được miễn toàn bộ án phí.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ksor Đ, giảm hình phạt cho bị cáo Ksor Đ . Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ksor N, là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

[6] Xét đề nghị của ông Ngô Đức N1 bào chữa cho bị cáo Ksor N đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo là không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử. Do đó, Luận cứ bào chữa của Luật sư không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của bà Trang Thị Thùy D – Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Ksor Đ đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Gia Lai là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử. Do đó, Luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ksor Đ .

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ksor N. Giữ nguyên quyết định hình phạt đối với bị cáo Ksor N.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2026/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai về phần hình phạt đối với bị cáo Ksor Đ .

2. Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

2.1. Xử phạt bị cáo Ksor N 08 (Tám) năm tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Ksor Đ 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/12/2025.

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Ksor N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Ksor Đ không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐTCA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS&HTTP Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV CA tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 7 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 7, tỉnh Gia Lai
- Phòng THADS khu vực 7, tỉnh Gia Lai;
- Phòng TT, KT & THA TAND tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Toà Hình sự, HCTP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Xuân